

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 3066 /QĐ - UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm
nông nghiệp tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3693/TTr-SNN ngày 16/9/2019 về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế” với những nội dung cụ thể như sau:

1. Quan điểm

- Chấp nhận cạnh tranh và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh đóng vai trò kiến tạo để giúp người sản xuất và doanh nghiệp có thể chuyển đổi và định hướng phát triển phù hợp trong quá trình này hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tập trung phát triển các sản phẩm và phân khúc thị trường có lợi thế cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu, xây dựng các kênh phân phối bền vững, giữ vững thị trường trong tỉnh, trong nước (đặc biệt thị trường TP. Hồ Chí Minh), bảo vệ sinh kế cho người dân sản xuất nông nghiệp; đồng thời củng cố năng lực xuất khẩu các mặt hàng nông sản truyền thống: Nhóm sản phẩm cây công nghiệp, sản phẩm gỗ, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu chính ngạch đối với thị trường Trung Quốc;

- Căn cứ theo nhu cầu thị trường, lợi thế về điều kiện tự nhiên, cải thiện năng lực về thể chế, có chính sách hỗ trợ phù hợp để tập trung phát triển các loại sản phẩm nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh, có hiệu quả kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ ổn định.

- Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút và phát triển doanh nghiệp nông cốt, phát triển các cụm ngành công nghiệp - dịch vụ chế biến nông sản là khâu đột phá để nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp tinh và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Lấy doanh nghiệp là đầu tàu trong xây dựng và phát triển các chuỗi giá trị, thúc đẩy phát triển các mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với các hộ nông dân.

- Lấy tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới thể chế là động lực cho phát triển nông nghiệp, trong đó tập trung đổi mới các hiệp hội doanh nghiệp và tổ chức nông dân.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu đến năm 2020

Phấn đấu để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu về tốc độ tăng GRDP, giá trị sản xuất nông, lâm, thủy; các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa X, nhiệm kỳ 2015-2020.

2.2. Mục tiêu đến năm 2025

- Đột phá về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là điều kiện quan trọng để thu hút các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong nước đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản.

- Ngành công nghiệp-dịch vụ chế biến nông sản trở thành ngành mũi nhọn của tỉnh, chiếm tỷ trọng 20-25% tỷ trọng GDP của tỉnh Đồng Nai, thu hút khoảng 15% - 20% lực lượng lao động của tỉnh. Tỉnh Đồng Nai trở thành một trong những trung tâm đổi mới sáng tạo của cả nước và cung ứng công nghệ về công nghiệp - dịch vụ chế biến nông sản;

- Đồng Nai trở thành nguồn cung cấp nông sản chủ lực cho thị trường thành phố Hồ Chí Minh, cung cấp khoảng 40%-50% đối với các sản phẩm chăn nuôi, cây công nghiệp.

2.3. Mục tiêu đến năm 2030

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để giữ vững vị thế là địa phương nằm trong top đầu về thu hút các doanh nghiệp FDI và trong nước đầu tư vào công nghiệp, nông nghiệp, chế biến nông sản, dịch vụ hậu cần và thương mại nông nghiệp;

- Ngành công nghiệp-dịch vụ chế biến nông sản trở thành ngành mũi nhọn của tỉnh, chiếm tỷ trọng 25-35% tỷ trọng GRDP của tỉnh Đồng Nai, thu hút khoảng 20%-30% lực lượng lao động của tỉnh. Tỉnh Đồng Nai trở thành trung tâm hàng đầu cả nước về đổi mới sáng tạo và cung ứng công nghệ về công nghiệp - dịch vụ chế biến nông sản;

- Đồng Nai trở thành nguồn cung cấp nông sản chủ lực cho thị trường TP. Hồ Chí Minh, với khoảng 50% - 60% sản lượng các loại sản phẩm chăn nuôi, cây công nghiệp. Xây dựng được các kênh phân phối lớn xuất khẩu trực tiếp nông sản chế biến sâu như: cà phê, điều và nông sản chất lượng cao như:

tiêu, trái cây sang các thị trường lớn có giá trị cao, với thương hiệu Việt Nam hoặc Đồng Nai.

3. Phạm vi thực hiện

- Phạm vi không gian: Đề án Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế được triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Đồng Nai.

- Phạm vi thời gian: Đề án được triển khai thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2030, trong đó có phân kỳ thực hiện các giai đoạn 2019 - 2020, giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

- Phạm vi về lĩnh vực: Đề án xác định 7 nhóm mặt hàng có lợi thế, thế mạnh của tỉnh Đồng Nai để tập trung các giải pháp hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm trong bối cảnh hội nhập quốc tế, gồm: Cà phê, điều, tiêu, heo, gà, trái cây, sản phẩm gỗ.

4. Nội dung của đề án

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của hội nhập quốc tế nói chung và các hiệp định thương mại tự do đến ngành nông nghiệp, đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp, đề án đã xác định các nhóm giải pháp chung để thúc đẩy phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm nông nghiệp nói chung; đồng thời xác định nhóm giải pháp đột phá đối với 7 nhóm sản phẩm nông nghiệp gồm: Cà phê, điều, tiêu, heo, gà, trái cây, sản phẩm gỗ trong quá trình hội nhập quốc tế, cụ thể:

4.1. Nhóm giải pháp đối với sản phẩm nông nghiệp nói chung

4.1.1. *Giải pháp thị trường, phát triển thương hiệu và xây dựng kênh phân phối*

** Giai đoạn 2019-2020*

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, xúc tiến thương mại, chủ động tìm đối tác để xuất khẩu thay vì chờ các đơn hàng xuất khẩu, nhất là đối với các nhà nhập khẩu Trung Quốc, EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN.

- Xây dựng chiến lược quảng bá sản phẩm tại thị trường tiêu thụ trong nước (Tập trung vào thị trường TP. Hồ Chí Minh) và xuất khẩu đặc biệt đối với các sản phẩm có giá trị, chủ lực của tỉnh như: Cà phê, tiêu, điều, heo, gà và cây ăn trái.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Đa dạng hóa cách thức xúc tiến thương mại thông qua hội thảo, hội chợ để khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh ký kết hợp đồng tiêu thụ, chế biến, bảo quản nông sản. Có chính sách ưu đãi về đầu tư cơ sở hạ tầng, liên kết, cam kết của tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp.

- Xây dựng phương án liên kết thu hút đầu tư với TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Nguyên để thu hút một số doanh nghiệp lớn đầu tư sản xuất, chế biến

nông sản sâu và hình thành các kênh phân phối từ trang trại đến bàn ăn; phát triển chợ đầu mối nông sản.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Xây dựng phươg án liên kết thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp Nhật Bản, Trung Quốc và EU để xây dựng các vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng, có truy xuất nguồn gốc để xuất khẩu ngược về các thị trường này.

- Phát triển thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá, kinh doanh sản phẩm phù hợp với thời đại công nghệ 4.0.

4.1.2. Giải pháp quy hoạch

Việc xây dựng các quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh bên cạnh bố trí về không gian cần quan tâm đến một số cân đối chính như: Cân đối cung cầu, trong quy hoạch cần phải xem xét sự cân đối giữa sản xuất và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm để tránh việc sản xuất ra mà không có nơi tiêu thụ; cân đối nguồn lực cho sản xuất, cụ thể phải có sự cân đối giữa các nguồn lực đất, nước, lao động, năng lượng... cho sản xuất; cân đối về mặt đảm bảo môi trường, tránh phá vỡ cảnh quan, gây ô nhiễm môi trường; cân đối về sinh kế và đảm bảo an ninh.

Trên cơ sở nguyên tắc đó, các giải pháp liên quan đến quy hoạch của tỉnh sẽ được tập trung vào các công việc sau:

** Giai đoạn 2019 – 2020*

- Thường xuyên rà soát, bổ sung các quy hoạch nông nghiệp, nông thôn ở các cấp nhằm đảm bảo sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tổng thể nông nghiệp giai đoạn đến năm 2020, trong đó có cần bổ sung nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch cấp tỉnh, đồng thời đảm bảo sự đồng bộ với quy hoạch các ngành, lĩnh vực có liên quan.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng thủy lợi, nước sạch nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng cụm ngành để tạo thành hệ sinh thái công nghiệp - dịch vụ chế biến nông sản sâu toàn tỉnh.

- Xây dựng các Đề án phát triển và chế biến sâu các ngành hàng của các sản phẩm chủ lực trong nông nghiệp: Cà phê, tiêu, điều, heo, gà, trái cây, chế biến gỗ.

** Giai đoạn 2021 – 2025 và giai đoạn 2026 - 2030*

- Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch theo quy định của Luật quy hoạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.1.3 Giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư thu hút doanh nghiệp

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tăng cường công tác truyền thông, xúc tiến đầu tư thông qua việc xây dựng trang thông tin giới thiệu về tình hình phát triển của doanh nghiệp, quy hoạch, chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư vào tỉnh, các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tăng cường công tác truyền thông, xúc tiến đầu tư thông qua việc tổ chức diễn đàn đầu tư vào nông nghiệp; tổ chức hội nghị, hội thảo để giới thiệu tiềm năng, chính sách ưu đãi của tỉnh với các doanh nghiệp nhằm thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư; xây dựng trang thông tin về tình hình phát triển của doanh nghiệp, quy hoạch, chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư vào tỉnh, các mô hình kinh doanh hiệu quả; xây dựng tiêu chí cụ thể đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và tổ chức khen thưởng lớn các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tốt; cải thiện bộ phận Một cửa để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có thể trao đổi, kiến nghị trực tiếp với cơ quan có trách nhiệm.

- Đơn giản hóa các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đầu tư, kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công.

- Triển khai xây dựng và thực hiện chính sách ưu đãi hình thành các cụm công nghiệp chuyên ngành chế biến nông sản; ban hành và thực hiện các chính sách ưu đãi của địa phương cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

** Giai đoạn 2026-2030*

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp đã được xác định trong giai đoạn 2021-2025; thường xuyên rà soát, cập nhật bổ sung thêm các chính sách mới được Trung ương ban hành để thực hiện.

4.1.4. Giải pháp liên kết chuỗi

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ chức các khóa đào tạo cho các hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã để nâng cao nhận thức về kinh tế hợp tác, chính sách nhà nước về kinh tế hợp tác; hướng dẫn quy trình thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã; xây dựng quy chế và phương án hoạt động, cơ chế phối hợp và kế hoạch kinh doanh cho các Tổ hợp tác, HTX;

- Thực hiện chính sách ưu đãi tập trung vào các tổ hợp tác, HTX có hoạt động sản xuất kinh doanh tốt: Ưu tiên, hỗ trợ kinh phí các hoạt động khuyến nông tập huấn cho các hộ nông dân, tổ hợp tác, HTX; hỗ trợ kinh phí đào tạo nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tiếp cận thị trường cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo tổ hợp tác, HTX; ưu tiên trong thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ kinh phí mua máy móc, thiết bị và xây dựng kho chứa, bảo quản nông sản cho tổ hợp tác, HTX; thực hiện chính sách ưu đãi về mặt bằng cho các HTX.

- Hỗ trợ kết nối với doanh nghiệp: Giới thiệu các doanh nghiệp cung cấp đầu vào và doanh nghiệp tiêu thụ nông sản cho các HTX hợp tác, liên kết. Ưu tiên thực hiện việc cho vay theo chuỗi đối với các doanh nghiệp có liên kết, ký kết hợp đồng với các HTX.

** Giai đoạn 2021-2025*

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp đã được xác định trong giai đoạn 2019 -2020; thường xuyên rà soát, cập nhật bổ sung thêm các chính sách mới được Trung ương ban hành để thực hiện.

** Giai đoạn 2025-2030*

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp đã được xác định trong giai đoạn 2019 -2020; cụ thể hóa các quy định, các chính sách mới được trung ương ban hành để thực hiện.

4.1.5. Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ cao

** Giai đoạn 2019-2020*

- Xây dựng cơ chế thuận lợi và đơn giản hóa thủ tục tiến hành xem xét và lựa chọn các kỹ thuật khoa học công nghệ cao, tiên tiến trong nước và quốc tế có thể ứng dụng thực tiễn vào Đồng Nai tạo đột phá trong sản xuất, chế biến, thương mại các mặt hàng nông sản của tỉnh: Cây công nghiệp, chăn nuôi và cây ăn trái.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng quỹ đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp với kinh phí của tỉnh và các nhà tài trợ theo hướng cho phép tất cả các thành phần kinh tế được đề xuất, tham gia nghiên cứu; đối tượng được lựa chọn khi tham gia cần có vốn đối ứng theo hình thức đối tác công tư.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ khởi nghiệp, các doanh nghiệp cung cấp nguyên vật liệu hỗ trợ trong các cụm ngành công nghiệp chế biến nông sản.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đã được xác định trong giai đoạn 2021-2025; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung các quy định mới cho phù hợp, đúng quy định để rô chức thực hiện có hiệu quả.

4.1.6. Giải pháp thể chế, tổ chức hành chính

** Giai đoạn 2019-2020*

Củng cố, kiện toàn bộ máy các đơn vị có liên quan thuộc Sở Công thương và Sở Nông nghiệp và PTNT để tăng cường việc hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trong việc thu thập và phân tích thông tin thường xuyên về tình hình cung, cầu, giá cả các mặt hàng nông sản, tình hình sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh, dự báo thị trường, chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp.

Xây dựng các đơn vị công - tư và đơn vị tư nhân làm dịch vụ cung cấp, trao đổi các thông tin phục vụ doanh nghiệp, người dân để triển khai các hoạt động: cung cấp, cập nhật các thông tin trực tuyến; tổ chức các cuộc gặp giữa các bên chuyên gia - doanh nghiệp - chính quyền để trao đổi thông tin chuyên sâu, có chất lượng về tình hình hội nhập, các vấn đề kỹ thuật trong thương mại; tổ chức xúc tiến đầu tư để cung cấp thông tin về các khu công nghiệp đang hoạt động và hệ thống doanh nghiệp có tại Đồng Nai. Trong giai đoạn đầu, các đơn vị này được ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí hoạt động, sau đó các đơn vị chuyển dần sang hoạt động theo mô hình đối tác công tư (PPP).

** Giai đoạn 2021-2025*

- Kiện toàn lại bộ máy và tổ chức của các hiệp hội doanh nghiệp nông sản quan trọng: Cà phê, điều, tiêu, chăn nuôi, trái cây.

- Xây dựng các ban điều phối ngành hàng nông sản chủ lực của tỉnh Đồng Nai với sự tham gia của lãnh đạo tỉnh, hiệp hội doanh nghiệp, các khách hàng lớn như: Siêu thị, hệ thống bán buôn, bán lẻ, hiệp hội người tiêu dùng, người sản xuất, các HTX, trang trại lớn và các lãnh đạo địa phương hoạt động theo mô hình "Hội quán" của tỉnh Đồng Tháp để đưa ra những định hướng, tư vấn điều chỉnh lượng cung các sản phẩm cho thị trường.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đã xác định trong giai đoạn 2021-2025, thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy định mới.

4.2. Định hướng mục tiêu và giải pháp đột phá cho một số mặt hàng nông sản chủ lực tỉnh Đồng Nai

4.2.1. Định hướng mục tiêu đến năm 2030 và giải pháp đột phá cho ngành hàng cà phê

a. Mục tiêu đến năm 2030

Đồng Nai trở thành một trong những trung tâm chế biến hàng đầu tại Việt Nam và Châu Á về cà phê, với định hướng thị trường rõ ràng và chuyên biệt, trong đó: Phân khúc cà phê nhân xanh hướng đến thị trường EU, Mỹ; phân khúc cà phê hòa tan hướng đến thị trường mới nổi ở các nước Châu Á; phân khúc cà phê rang xay, cà phê hòa tan hỗn hợp, cà phê đóng gói chuyên biệt hướng đến thị trường trong nước, tập trung vào thị trường thành phố Hồ Chí Minh.

b. Giải pháp đột phá cho ngành hàng cà phê

b.1. Giải pháp xây dựng thị trường và phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại

+ Thị trường EU, Mỹ: Cà phê nhân xanh (chính), cà phê rang xay (thử nghiệm);

+ Thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc: Cà phê hòa tan (chính);

+ Thị trường Trung Quốc, ASEAN: Cà phê hòa tan (chính), cà phê hòa tan hỗn hợp (thử nghiệm).

+ Thị trường trong nước, tập trung vào thành phố Hồ Chí Minh: Cà phê hòa tan hỗn hợp (chính), cà phê rang xay (thử nghiệm), cà phê đóng gói chuyên biệt (thử nghiệm).

** Giai đoạn 2019-2020*

- Hàng năm tổ chức các chương trình, hội thảo lớn về dự báo cung cầu, yêu cầu thị trường, kết nối doanh nghiệp mời tinh sản xuất cà phê nguyên liệu lớn ở Tây Nguyên, các nhà rang xay quốc tế lớn, các hệ thống bán buôn, bán lẻ lớn của các nước nhập khẩu lớn từ EU, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, v.v... đến Đồng Nai để tìm cơ hội đàm phán mở rộng thị trường, xây dựng các kênh phân phối;

- Tỉnh Đồng Nai phối hợp với các đại sứ quán Việt Nam ở các thị trường lớn chủ trì và hỗ trợ một phần kinh phí tổ chức các đợt quảng bá giới thiệu sản phẩm cà phê, tìm đối tác mời các nhà rang xay quốc tế lớn, các hệ thống bán buôn, bán lẻ lớn của các nước nhập khẩu lớn từ EU, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, v.v... tham gia; tổ chức tham gia các triển lãm cà phê quốc tế lớn.

- Tổ chức định kỳ và phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các buổi gặp gỡ doanh nhân đại diện các thương hiệu cà phê, các nhà thu mua cà phê nhân xanh, các nhà rang xay, các doanh nghiệp cà phê hòa tan, cà phê hòa tan hỗn hợp, cà phê đóng gói chuyên biệt, các tổ chức thu mua - phân phối theo thị trường, theo phân khúc sản phẩm, các nhà cung cấp sản phẩm - dịch vụ phụ trợ, các tổ chức marketing và nghiên cứu thị trường lớn; phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh xây dựng các sự kiện tương tự.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Xây dựng thương hiệu tỉnh, công ty, sản phẩm: Quá trình xây dựng thương hiệu là một quá trình lâu dài, tỉnh cần xác định một chương trình riêng để xây dựng thương hiệu và thực hiện với sự hỗ trợ của chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp; phối hợp với đài truyền hình lớn như thành phố Hồ Chí Minh, truyền hình Vĩnh Long để làm các chương trình quảng bá về cà phê Đồng Nai.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025

b.2. Giải pháp phát triển cụm ngành công nghiệp – dịch vụ chế biến sâu cà phê

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ chức nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc phát triển cụm ngành công nghiệp - dịch vụ chế biến cà phê sâu.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Cụm công nghiệp - dịch vụ trung tâm chính: Quy hoạch cụm ngành công nghiệp - dịch vụ tập trung tại các khu công nghiệp ở thành phố Biên Hòa và huyện Long Thành. Đây là khu vực có nhiều doanh nghiệp cả phê FDI và doanh nghiệp lớn trong nước đã xây dựng nhà máy và có cơ sở hạ tầng (đường sá, điện, nước) đồng bộ, gần cảng. Tỉnh cần có chính sách khuyến khích doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước lớn tiếp tục đầu tư mới vào chế biến sâu (Cà phê hòa tan, cà phê hòa tan hỗn hợp, rang xay) vào đây để thuận tiện cho quản lý và hỗ trợ cơ sở hạ tầng chung để hình thành dần các cụm ngành công nghiệp - dịch vụ chế biến sâu về cà phê;

- Cụm công nghiệp - dịch vụ hỗ trợ: Bên cạnh đó, tỉnh cũng có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào các nguyên vật liệu hỗ trợ cho quá trình chế biến chính: Cơ khí, hóa chất, bao bì....

- Chính sách hỗ trợ thúc đẩy đầu tư: Tỉnh cần hỗ trợ về thuế đất, phí dịch vụ, trang bị cơ sở hạ tầng, và cải thiện cơ chế chính sách về đăng ký đầu tư như: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm chi phí chính thức và không chính thức, cải thiện chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025

b.3. Xây dựng kênh phân phối

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ chức nghiên cứu bài bản về “gu” tiêu dùng và các rào cản, chi phí lợi ích để cà phê Đồng Nai thâm nhập vào thành phố Hồ Chí Minh;

** Giai đoạn 2021-2025*

- Thí điểm xây dựng một số kênh phân phối sản phẩm cà phê đến thị trường thành phố Hồ Chí Minh: Tỉnh có chính sách hỗ trợ, khuyến khích một số doanh nghiệp lớn đang đầu tư trên địa bàn hoặc các nhà đầu tư xây dựng một số chuỗi cà phê rang xay, cà phê hòa tan hỗn hợp, cà phê đóng gói chuyên biệt dưới hình thức quán đồ uống, thức ăn nhanh tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Xác định và hỗ trợ thúc đẩy giúp các doanh nghiệp có tiềm năng và tâm huyết có thể xây dựng được các kênh phân phối sản phẩm cà phê Đồng Nai tại các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Mỹ.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025

b.4. Phát triển chuỗi liên kết

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tại các vùng nguyên liệu ở Đồng Nai, đối với các đối tác yêu cầu cà phê nhân xanh chất lượng cao, thúc đẩy các hình thức hợp tác của nông dân (tổ

hợp tác hay các HTX) để quản lý sản xuất theo đúng quy trình đồng bộ, giúp dân thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thống nhất (tưới nước, làm đất, xuống giống, chăm sóc và thu hoạch) đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật của các doanh nghiệp liên kết.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Hỗ trợ xây dựng liên kết vùng: với các tỉnh sản xuất cà phê lớn ở Tây Nguyên như Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông xây dựng các chuỗi giá trị cà phê nhân xanh, rang xay sạch chất lượng cao theo hình thức tổ chức nông dân phối hợp thực hiện các quy trình kỹ thuật do doanh nghiệp đưa ra và được doanh nghiệp thu mua có truy xuất nguồn gốc.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025

4.2.2. Định hướng mục đến năm 2030 và giải pháp đột phá cho ngành hàng điều

a. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

Đồng Nai trở thành một trong những trung tâm chế biến điều sâu của cả nước và thế giới. Thu hút được các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước hàng đầu về đầu tư tại cụm ngành chế biến sâu. Đồng Nai là trung tâm kết nối thương mại hàng đầu của cả nước, xây dựng được các kênh phân phối điều đến các thị trường xuất khẩu giá trị cao với nhiều bạn hàng uy tín, bền vững.

b. Giải pháp đột phá cho ngành hàng điều

b.1. Giải pháp thị trường và phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại

- Tập trung vào các thị trường với định hướng sản phẩm như sau:

+ Thị trường EU, Mỹ, Úc, Nhật Bản: điều nhân sản xuất và sơ chế tại Đồng Nai, điều chế biến sâu;

+ Thị trường Trung Quốc, ASEAN: điều nhân nhập khẩu nguyên liệu từ Châu Phi và sơ chế tại Đồng Nai, điều chế biến sâu.

+ Thị trường trong nước, tập trung vào thành phố Hồ Chí Minh: điều nhân sản xuất và sơ chế tại Đồng Nai, điều chế biến sâu.

** Giai đoạn 2019-2020*

- Hàng năm tổ chức các chương trình, hội thảo lớn về dự báo cung cầu, yêu cầu thị trường, kết nối doanh nghiệp mời tỉnh sản xuất điều nguyên liệu lớn ở Tây Nguyên, các nhà rang xay quốc tế lớn, các hệ thống bán buôn, bán lẻ lớn của các nước nhập khẩu lớn từ EU, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, v.v... đến Đồng Nai để tìm cơ hội đàm phán mở rộng thị trường, xây dựng các kênh phân phối;

- Tỉnh Đồng Nai phối hợp với các đại sứ quán Việt Nam ở các thị trường lớn chủ trì và hỗ trợ một phần kinh phí tổ chức các đợt quảng bá giới thiệu sản phẩm điều, tìm đối tác mời các nhà rang xay quốc tế lớn, các hệ thống bán buôn, bán lẻ lớn của các nước nhập khẩu lớn từ EU, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, v.v... tham gia; tổ chức tham gia các triển lãm điều quốc tế lớn.

- Tổ chức định kỳ và phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh tổ chức các buổi gặp gỡ doanh nhân đại diện các thương hiệu điều, các tổ chức thu mua - phân phối theo thị trường, theo phân khúc sản phẩm, các nhà cung cấp sản phẩm - dịch vụ phụ trợ, các tổ chức marketing và nghiên cứu thị trường lớn; phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh xây dựng các sự kiện tương tự.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Xây dựng thương hiệu tỉnh, công ty, và sản phẩm: Xây dựng thương hiệu điều Đồng Nai. Tỉnh cần xây dựng một chương trình riêng để xây dựng thương hiệu với sự hỗ trợ thực hiện của chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp; phối hợp với đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh, truyền hình Vĩnh Long để làm các chương trình quảng bá về điều Đồng Nai.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025.

b.2 Giải pháp về xây dựng kênh phân phối

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ chức nghiên cứu bài bản về gu tiêu dùng và các rào cản, chi phí lợi ích để điều Đồng Nai thâm nhập vào thành phố Hồ Chí Minh;

** Giai đoạn 2021-2025*

- Thí điểm xây dựng một số kênh phân phối sản phẩm điều đến thị trường TP. Hồ Chí Minh: tỉnh có chính sách hỗ trợ, khuyến khích một số doanh nghiệp đưa hạt điều vào hệ thống các cửa hàng tiện ích, bán lẻ, chuỗi thức ăn nhanh, chuỗi nhà hàng, chuỗi quán đồ uống.

- Xác định và hỗ trợ thúc đẩy giúp các doanh nghiệp có tiềm năng và tâm huyết có thể xây dựng được các kênh phân phối sản phẩm điều Đồng Nai tại các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Mỹ.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025.

b.3. Giải pháp khoa học kỹ thuật trong trồng trọt điều:

** Giai đoạn 2019-2020*

- Xây dựng đề án tái cơ cấu ngành điều theo hướng tăng năng suất, chất lượng điều: Tái canh các vườn già cỗi trên 20 năm theo hình thức cuốn chiếu,

cần phải được trồng mới bằng các loại giống có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu sâu bệnh cao hơn so với các giống điều cũ trước đây, đặc biệt là các giống có thể tránh được điều kiện thời tiết bất thường do biến đổi khí hậu. Lựa chọn bộ giống điều đã được khảo nghiệm, cho năng suất cao, ra hoa tập trung ngay đầu vụ như PN1, TL1/11, AB29, AB05-08, ĐDH 102-293... Những giống này đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận, đưa vào sản xuất đại trà.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Quy hoạch vùng sản xuất trong quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh: Cần có chính sách duy trì diện tích hiện có, thâm canh tăng năng suất nhằm tăng sản lượng, tiến tới quy hoạch thành các vùng sản xuất gắn với chế biến. Quy hoạch lại vùng sản xuất, xây dựng vùng sản xuất điều lõi, vùng đệm: tập trung vào các huyện sản xuất lớn nhất (như Xuân Lộc, Định Quán và các huyện lân cận), gắn với các cụm công nghiệp và các khu công nghiệp sẵn có;

- Rà soát nghiên cứu các giống điều sao cho phù hợp với từng vùng sinh thái; đồng thời khuyến cáo người dân trồng điều đối với từng giống điều cụ thể;

- Nghiên cứu, thử nghiệm và hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chuyên dụng cho cây điều, khuyến cáo người dân thực hiện;

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc điều dựa trên số hóa thông tin, dữ liệu;

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025.

b.4. Giải pháp phát triển chuỗi liên kết

** Giai đoạn 2019-2020*

- Trên cơ sở phân tích và đánh giá, rút kinh nghiệm về mô hình HTX An Viễn, hỗ trợ doanh nghiệp nông cốt kết nối với HTX, nhóm nông dân sản xuất điều nhằm quản lý xuất xứ hạt điều thô và tạo vùng nguyên liệu cho doanh nghiệp chế biến, tập trung hỗ trợ: Hỗ trợ thành lập, tổ chức hoạt động cho các HTX, nhóm nông dân sản xuất điều theo hướng liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi sản xuất khép kín; hỗ trợ hình thành liên kết giữa HTX, tổ nhóm với doanh nghiệp thông qua hợp đồng trong cung cấp điều thô, quản lý chặt nguồn gốc xuất xứ của điều.

- Hỗ trợ về tài chính và cơ chế đất đai để các doanh nghiệp chế biến điều xây dựng các vùng nguyên liệu điều chất lượng cao.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2019-2020.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025.

b.5. Giải pháp liên kết vùng

** Giai đoạn 2019-2020*

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và đánh giá tính khả thi của việc liên kết vùng trong sản xuất và chế biến điều giữa Đồng Nai và các tỉnh

** Giai đoạn 2021-2025*

- Hỗ trợ xây dựng liên kết vùng với các tỉnh sản xuất điều lớn như Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Lâm Đồng, v.v... nhằm chủ động nguồn nguyên liệu tại chỗ cho doanh nghiệp chế biến.

- Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước trồng điều trong khu vực như Campuchia, Lào để thay thế cho việc phụ thuộc vào điều từ châu Phi.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025.

b.6. Giải pháp thúc đẩy chế biến sâu

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ chức nghiên cứu bài bản các dòng sản phẩm chế biến sâu tiềm năng từ điều;

** Giai đoạn 2021-2025*

- Phối hợp với các doanh nghiệp theo cơ chế PPP để xây dựng các chương trình nghiên cứu về các giải pháp công nghệ chế biến điều.

- Kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu từ nhân điều, chế biến các sản phẩm phụ như quả điều, vỏ điều, tạo thành hệ thống khép kín, nâng cao hiệu quả chế biến thông qua các chính sách đột phá về thuế đất, lãi suất ngân hàng, cơ sở hạ tầng.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các giải pháp đã triển khai trong giai đoạn 2021-2025.

4.2.3. Định hướng mục tiêu đến năm 2030 và giải pháp đột phá cho ngành hàng tiêu

a. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

Xây dựng được các kênh phân phối lớn đến các thị trường có giá trị cao (EU, Mỹ). Phát triển trên quy mô lớn các vùng sản xuất tiêu sạch, tiêu hữu cơ; kết hợp với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế để xuất khẩu đến tận hệ thống

bán buôn, bán lẻ, giảm bớt khâu trung gian. Hình thành được một số đơn vị chế biến sâu tiêu nằm trong các cụm ngành chế biến nông sản sâu.

b. Giải pháp đột phá cho ngành hàng tiêu

b.1. Giải pháp thị trường và phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại

- Tập trung vào các thị trường Mỹ và EU với sản phẩm tiêu hạt đen và tiêu hạt trắng.

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ các hoạt động xúc tiến thương mại, tạo điều kiện để các nhà nhập khẩu tiêu tại các thị trường Mỹ và EU, các doanh nghiệp xuất khẩu lớn, hiệp hội tiêu có những hoạt động trao đổi về yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng và dư lượng thuốc BVTV với người sản xuất;

- Hàng năm tổ chức các chương trình, hội thảo lớn về dự báo cung cầu, yêu cầu thị trường tại Đồng Nai;

- Tổ chức các hoạt động gặp mặt giữa chính quyền địa phương và các nhà nhập khẩu để tháo gỡ các vướng mắc, tổ chức các đợt tham quan vùng sản xuất định kỳ cho các nhà nhập khẩu.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Xây dựng thương hiệu tiêu sạch, an toàn của tỉnh Đồng Nai

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ở các giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021 -2025.

- Phối hợp với các doanh nghiệp lớn, nhà nhập khẩu tìm hiểu đánh giá các phân khúc sản phẩm chế biến sâu, xác định tiềm năng chế biến sâu của Đồng Nai đối với nhóm sản phẩm gia vị và dược liệu dựa trên nguyên liệu chính là tiêu.

b.2.) Giải pháp phát triển chuỗi liên kết

** Giai đoạn 2019-2020*

- Ưu tiên hỗ trợ tập trung xây dựng các mô hình liên kết do doanh nghiệp lớn dẫn dắt kết nối với tổ chức nông dân; Tìm kiếm phối hợp với các doanh nghiệp xuất khẩu tiêu, tổ chức các hình thức hợp tác của nông dân (tổ hợp tác hay các HTX) có nhiệm vụ tổ chức nông dân để quản lý sản xuất theo đúng quy trình đồng bộ, giúp dân thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thống nhất (tưới nước, làm đất, xuống giống, chăm sóc và thu hoạch). Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật của các doanh nghiệp liên kết. Đại diện cho các hộ nông dân giao thiệp với các doanh nghiệp và các cơ quan cung cấp dịch vụ đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho nông dân;

- Tổ chức các hình thức liên kết của các doanh nghiệp (gắn doanh nghiệp cung cấp vật tư đầu vào với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm đầu ra, giữa các

hoạt động kinh doanh với hoạt động chế biến...) để thống nhất hợp đồng với nông dân, đảm bảo khép kín trong quá trình sản xuất kinh doanh. Thực hiện các dịch vụ gia tăng giá trị nông sản và phối hợp với nông dân hoàn thành đồng bộ quy trình sản xuất: tiến hành thu mua, kho chứa, sấy, chế biến, tiêu thụ.

- Hỗ trợ thành lập, tổ chức hoạt động cho các HTX, tổ nhóm nông dân sản xuất tiêu theo hướng liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi sản xuất khép kín theo hình thức liên kết với các hợp tác xã hoặc tổ chức nông dân tập thể có sự bảo hộ giám sát của chính quyền địa phương.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ở các giai đoạn 2019-2020

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ở các giai đoạn 2019- 2020

b.3. Giải pháp xây dựng kênh phân phối

** Giai đoạn 2019-2020*

- Đánh giá tiềm năng và cơ sở khoa học của việc xây dựng các kênh phân phối tiêu từ Đồng Nai đến các thị trường xuất khẩu.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Xác định và hỗ trợ thúc đẩy giúp các doanh nghiệp có tiềm năng và tâm huyết có thể xây dựng được các kênh phân phối sản phẩm tiêu Đồng Nai tại các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Mỹ.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025.

b.4. Giải pháp khoa học kỹ thuật trong trồng trọt tiêu

** Giai đoạn 2019-2020*

- Xây dựng đề án tái cơ cấu ngành tiêu theo hướng tăng năng suất, chất lượng tiêu: Quy hoạch lại vùng sản xuất tiêu, thu gọn vùng sản xuất theo hướng chuyên canh, tập trung vào những vùng thổ nhưỡng, thủy lợi và khí hậu phù hợp;

- Đối với vườn tiêu bị chết, cần hướng dân nông dân thu gom, vệ sinh vườn tiêu, tiêu hủy toàn bộ tiêu chết; cày và xử lý đất để diệt mầm bệnh, nhất là mầm bệnh gây bệnh vàng lá, chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng hại cây hồ tiêu. Sau khi xử lý đất, cần chuyển đổi sang trồng loại cây khác như cà phê, bơ hoặc các loại rau quả khác phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Phối hợp với các Viện nghiên cứu, doanh nghiệp tập trung đầu tư, tổ chức phục tráng, nghiên cứu và xác nhận các loại giống tiêu mới phù hợp có chất lượng cao và chống chịu tốt với sâu bệnh.

- Tăng cường tập huấn, tuyên truyền cho người sản xuất tiêu về các loại thuốc BVTV, các tiêu chuẩn về dư lượng mà thị trường yêu cầu và cách dùng giúp giảm lượng tồn dư hóa chất trong sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường;

- Phối hợp với các Viện nghiên cứu, doanh nghiệp tập trung nghiên cứu, thử nghiệm, khảo nghiệm các loại phân hữu cơ, vi sinh, tạo ra các dòng phân bón có chất lượng sạch bệnh, cải tạo và phục hồi đất riêng cho cây tiêu.

- Phối hợp với các Viện nghiên cứu, doanh nghiệp tập trung nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất chuẩn sạch đáp ứng tiêu chuẩn EU cho tiêu Đồng Nai.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ở các giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025.

b.5. Giải pháp về quản lý nhà nước

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tăng cường công tác quản lý về đầu vào sản xuất tiêu đặc biệt là thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh;

- Tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết của người dân về khó khăn của thị trường tiêu hiện nay và trong tương lai;

- Khẩn trương phối hợp với các tỉnh sản xuất tiêu lớn trong cả nước tại Tây Nguyên để có những giải pháp đồng bộ trong việc giải quyết tình trạng thừa cung hiện nay;

- Dựa trên nguồn lực địa phương xây dựng các chính sách hỗ trợ trực tiếp, các chương trình tín dụng lãi suất thấp cho những hộ nông dân trồng tiêu để ổn định tâm lý người sản xuất, tránh việc chặt phá tiêu ồ ạt.

- Kiến nghị, đề xuất với Trung ương hỗ trợ, giúp người dân trồng tiêu sớm tháo gỡ khó khăn, khôi phục sản xuất; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ một phần cho người dân trồng tiêu bị thiệt hại do sâu bệnh để khôi phục sản xuất; tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện đồng bộ các giải pháp giãn nợ, giảm lãi suất vay và cho vay mới để giúp người dân trồng hồ tiêu tính ổn định sản xuất; khoanh nợ cho các hộ nông dân có vay vốn trồng hồ tiêu bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật chính sách để phù hợp với tình hình thực tiễn.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật chính sách để phù hợp với tình hình thực tiễn.

4.2.4. Định hướng mục đến năm 2030 và giải pháp đột phá cho ngành hàng heo

a. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

Xây dựng các kênh phân phối bền vững với quy mô lớn về thịt heo giữa Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh. Có những bước chuẩn bị để chuyển dần sang phân khúc thịt mát và chế biến sâu để làm chủ phân khúc thị trường cao cấp, hiện đại. Hình thành các khu chăn nuôi sạch bệnh theo tiêu chuẩn OIE và thử nghiệm vùng sản xuất chuyên sản phẩm heo cho Trung Quốc theo kênh chính ngạch, xây dựng các kênh phân phối bền vững. Biến Đồng Nai trở thành một trung tâm khoa học công nghệ hàng đầu về chăn nuôi heo tại Việt Nam, cung cấp dịch vụ và thiết bị chăn nuôi heo cho địa phương các của cả nước.

b. Giải pháp đột phá cho ngành hàng heo

b.1. Giải pháp thị trường và phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại

- Định hướng thị trường và sản phẩm theo thị trường như sau:

+ TP. Hồ Chí Minh: Heo sống, thịt heo mát giết mổ tại Đồng Nai, sản phẩm chế biến sâu từ thịt heo

+ Đồng Nai (tập trung vào các khu công nghiệp): Heo giết mổ tại tỉnh

+ Trung Quốc (các tỉnh ở gần Việt Nam): heo mát giết mổ tại Đồng Nai

* Giai đoạn 2019-2020

- Tổ chức nghiên cứu về nhu cầu thị trường, tập trung vào phân khúc thịt mát và sản phẩm heo chế biến sâu của người tiêu dùng tại TP. Hồ Chí Minh;

- Thành lập Tổ xúc tiến thương mại heo đến tại thị trường Trung Quốc. Tổ chức kết nối với các địa phương, các hệ thống siêu thị lớn ở các tỉnh phía Nam gần Việt Nam, thu hút đầu tư để xây dựng các hợp đồng cung ứng lớn cho các địa phương và hệ thống siêu thị này. Hình thức đầu tư có thể dưới dạng: Doanh nghiệp trong nước tự đầu tư, liên doanh hai bên Việt Nam-Trung Quốc hoặc doanh nghiệp FDI đầu tư;

* Giai đoạn 2021-2025

- Xây dựng thương hiệu: “Đồng Nai - Thủ phủ của thịt heo sạch, chất lượng cao”. Thương hiệu này gồm hai nhóm sản phẩm heo: (i) Sản phẩm thịt heo sạch, an toàn (tập trung chủ yếu tối ưu hóa chuỗi, đảm bảo truy suất nguồn gốc và có hệ thống giám sát chất lượng); (ii) sản phẩm thịt heo đặc sản an toàn (vẫn đảm bảo những yếu tố trên nhưng tập trung vào những giống heo đặc biệt, hoặc dòng sản phẩm được chế biến đặc biệt). Đây phải là Kim chỉ nam xuyên suốt cho chiến lược phát triển ngành chăn nuôi heo của tỉnh Đồng Nai.

- Phối hợp với đối tác TP. Hồ Chí Minh và Trung Quốc tiến hành các hoạt động xúc tiến thương mại (hội trợ, triển lãm) quảng bá sản phẩm thịt heo đến các thị trường này.

* Giai đoạn 2026-2030

- Tiếp tục các giải pháp trong giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025.
- Tiến hành các Đoàn thăm dò, tìm kiếm cơ hội kinh doanh với đối tác Nhật Bản (tìm hiểu nhu cầu, yêu cầu của người tiêu dùng Nhật Bản và các quy định về tiêu chuẩn nhập khẩu của quốc gia này).

b.2. Phát triển cụm ngành, dịch vụ hậu cần

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ chức nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc phát triển cụm ngành, dịch vụ hậu cần cho giết mổ và chế biến sản phẩm thịt heo

** Giai đoạn 2021-2025*

- Xây dựng, kiện toàn các trung tâm giết mổ tập trung tại các huyện có vùng sản xuất lớn như Thống Nhất, Trảng Bom, Xuân Lộc với các công nghệ giết mổ quy mô lớn hiện đại. Phân tích, đánh giá năng lực giết mổ hiện nay và dự báo tương lai. Tìm kiếm các cơ hội hợp tác liên doanh PPP với doanh nghiệp, và hỗ trợ của nhà nước để phối hợp với nguồn lực của tỉnh cùng đầu tư, tận dụng các cơ sở hạ tầng sẵn có hiệu quả hơn, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng giết mổ mới (nếu cần thiết);

- Quy hoạch, thu hút gắn kết các doanh nghiệp chế biến sâu đầu tư các nhà máy gần với khu vực giết mổ để tận dụng, chế biến sâu các phụ phẩm; đặc biệt là nội tạng của heo;

- Xây dựng hệ thống kho mát, hệ thống vận tải lạnh để hình thành chuỗi thịt heo mát và vận chuyển vào TP. Hồ Chí Minh;

** Giai đoạn 2026-2030*

- Thu hút đầu tư của các doanh nghiệp để tập trung nghiên cứu, chế biến sâu các dòng sản phẩm thịt heo khác nhau phục vụ thị hiếu người tiêu dùng TP. Hồ Chí Minh.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào chế tạo các thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu phục vụ cho chăn nuôi trong tỉnh Đồng Nai và các tỉnh khác.

b.3. Giải pháp tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi

** Giai đoạn 2019-2020*

- Xây dựng thương hiệu “Thịt heo sạch chất lượng cao Đồng Nai”, thiết lập các kênh phân phối lớn, rút ngắn, tối ưu hóa và tổ chức chuỗi giá trị khép kín từ các vùng nuôi sạch bệnh, qua hệ thống lò mổ tập trung, vận chuyển lạnh đến các siêu thị, cửa hàng tiện ích, nhà hàng, khách sạn và người tiêu dùng tại TP. Hồ Chí Minh;

** Giai đoạn 2021-2025*

- Thí điểm xây dựng các chuỗi giá trị heo giữa các trang trại với các khu công nghiệp trong tỉnh Đồng Nai;

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các hiệp hội chăn nuôi heo trong tỉnh, thực sự trở thành đơn vị đại diện cho doanh nghiệp và người sản xuất của tỉnh;

- Có những chính sách đặc thù về đất đai, tín dụng và đào tạo nhân sự quản lý cho các hợp tác xã chăn nuôi heo phát triển dựa trên hình thành liên kết chuỗi giá trị với doanh nghiệp theo hình thức hợp đồng nông sản.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Đối với những nông dân không tham gia hợp tác xã hoặc không có khả năng mở rộng sản xuất, hình thành quỹ hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề cho những hộ nông dân chăn nuôi heo nhỏ lẻ.

b.4. Giải pháp đảm bảo môi trường, an toàn dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm

** Giai đoạn 2019-2020*

- Thí điểm các giải pháp về xử lý ô nhiễm từ nước thải và phân để thành phân bón.

- Rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giết mổ trên địa bàn các địa bàn quy hoạch.

- Kiểm soát chặt chẽ sản phẩm vào chợ. Xử lý nghiêm các trường hợp giết mổ không phép, giết mổ gia cầm bán dọc đường.

- Các cấp, ngành có thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực giết mổ gia súc, gia cầm trái pháp luật tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục người dân chấp hành các qui định pháp luật của Nhà nước.

- Tổ chức, quản lý, sắp xếp ngành nghề kinh doanh đối với các chợ trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền quy định tại Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh.

- Có phương án xử lý, bảo quản sản phẩm trong quá trình xử lý các trường hợp vi phạm tại chợ (sản phẩm cần được bảo quản lạnh trong khi chờ kết quả xét nghiệm).

- Tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan liên quan trong quá trình phát hiện, xử lý vi phạm.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tiếp tục kêu gọi đầu tư các cơ sở còn lại để hoàn thành sắp xếp giết mổ trên địa bàn. Chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan quản lý hữu quan tích cực hướng dẫn, hỗ trợ các chủ đầu tư ở các địa điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch về thủ tục hồ sơ liên quan để sớm triển khai, đi vào hoạt động;

- Thực hiện xây dựng các chuỗi sản phẩm an toàn để cung ứng vào các chợ truyền thống trên địa bàn tỉnh.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung, sạch bệnh và tinh hỗ trợ đầu tư trọng điểm bằng kinh phí tỉnh để đảm bảo cơ sở hạ tầng đáp ứng được nuôi với quy mô lớn;

- Đầu tư trọng điểm thử nghiệm xây dựng các mô hình thí điểm an ninh sinh học theo tiêu chuẩn OIE để hình thành các vùng sạch bệnh;

b.5. Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ cao

** Giai đoạn 2019-2020*

- Thu hút đầu tư của doanh nghiệp để nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm chế biến sâu từ heo để nâng cao giá trị gia tăng và giảm bớt phụ phẩm.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Thúc đẩy hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) để tập trung nghiên cứu về khâu thức ăn chăn nuôi (TĂCN). Nghiên cứu để dần tự chủ được các nguyên liệu TĂCN. Tập trung nghiên cứu sâu giải pháp chế biến các phụ phẩm thủy sản ở ĐBSCL (cá tra, tôm) thành bột tôm, bột cá nguyên liệu.

** Giai đoạn 2026 -2030*

- Hình thành một đơn vị ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao tại tỉnh về chăn nuôi heo. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi dùng camera giám sát và thiết bị thu âm thanh, đo nhiệt độ để đánh giá tình trạng sức khỏe, mức độ tăng trọng, phòng chống bệnh, đánh giá mức độ stress của heo; Đẩy mạnh ứng dụng của công nghệ block-chain trong quản lý chuỗi giá trị heo, kiểm dịch và truy suất nguồn gốc; Thời gian đầu thì tỉnh có thể trợ cấp, nhưng về lâu dài có thể xã hội hóa để cung cấp dịch vụ cho người sản xuất Đồng Nai và các tỉnh khác;

b.6. Giải pháp thông tin tuyên truyền, tập huấn, đào tạo

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ chức các buổi hội thảo, tuyên truyền về tác động của hội nhập đến ngành chăn nuôi heo cho doanh nghiệp và người dân để giúp họ có những chuẩn bị về tâm lý và phương án ứng phó, tập huấn về tính cấp thiết phải xây dựng vùng nuôi sạch bệnh và vùng giết mổ tập trung an toàn thực phẩm;

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tổ chức rà soát, đánh giá lại năng lực của các tác nhân trong toàn bộ chuỗi giá về việc đáp ứng các nhu cầu hiện nay và tương lai, xác định các khoảng trống về kiến thức, kỹ năng cần phải hỗ trợ. Tổ chức các khóa tập huấn theo hình thức phối hợp với doanh nghiệp, dựa trên nhu cầu doanh nghiệp, trang trại, gia trại.

- Tổ chức riêng các lớp đào tạo các kỹ năng cho cán bộ và thành viên hợp tác xã về tổ chức hợp tác xã, xây dựng chiến lược kinh doanh, phân tích thị trường, xây dựng thương hiệu.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019 - 2020 và giai đoạn 2021 -2025.

b.7. Giải pháp chính sách khác

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tăng cường giám sát chặt chẽ chất lượng giống heo của các đơn vị trang trại, gia trại tự sản xuất;

- Nâng cao chế tài xử phạt các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, giết mổ lậu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật thường xuyên số liệu về tình hình cung cầu và thương mại chăn nuôi heo.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tiếp tục điều chỉnh, cập nhật bổ sung các giải pháp theo tình hình mới.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục điều chỉnh, cập nhật bổ sung các giải pháp theo tình hình mới.

4.2.5. Định hướng mục đến năm 2030 và giải pháp đột phá cho ngành hàng gà

a. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

Xây dựng các kênh phân phối bền vững với quy mô lớn về thịt gà giữa Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh. Có những bước chuẩn bị để chuyển dần sang phân khúc gà trắng thịt mát, gà đặc sản và chế biến sâu để làm chủ phân khúc thị trường cao cấp, hiện đại. Hình thành các khu chăn nuôi sạch bệnh theo tiêu chuẩn OIE và mở rộng cơ sở xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Nhật Bản, ASEAN và Trung Đông. Biến Đồng Nai trở thành một trung tâm khoa học công nghệ hàng đầu về chăn nuôi gà tại Việt Nam, cung cấp dịch vụ và thiết bị chăn nuôi gà cho địa phương khác của cả nước.

b. Giải pháp đột phá cho ngành hàng gà

b.1. Thị trường và phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại

- Định hướng thị trường và sản phẩm:

+ TP. Hồ Chí Minh: Sản phẩm sạch, đảm bảo quy trình chăm sóc đúng kỹ thuật, giết mổ hợp vệ sinh, truy suất nguồn gốc

Phân khúc cao cấp: gà lông trắng cao cấp giết mổ tại Đồng Nai vận chuyển mát về TP. Hồ Chí Minh và gà ta và đặc sản;

Phân khúc trung cấp: gà lông trắng trắng giết mổ tại lò mổ tập trung tại TP. Hồ Chí Minh, gà lông màu giết mổ tại lò mổ tập trung tại TP. Hồ chí Minh;

Phân khúc thấp cấp: gà mái trắng đẻ loại thải phục vụ các khu công nghiệp, bếp ăn tập thể.

+ Thị trường Đồng Nai: Sản phẩm sạch, đảm bảo quy trình chăm sóc đúng kỹ thuật, giết mổ hợp vệ sinh, nguồn gốc rõ ràng

Phân khúc trung cấp: gà trắng trung cấp, gà màu.

Phân khúc thấp cấp: gà mái trắng đẻ loại thải phục vụ các khu công nghiệp, bếp ăn tập thể.

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ chức nghiên cứu về nhu cầu thị trường, tập trung vào phân khúc thịt mát và sản phẩm gà chế biến sâu của người tiêu dùng tại TP. Hồ Chí Minh;

** Giai đoạn 2021-2025*

- Xây dựng thương hiệu: “Đồng Nai – thủ phủ của thịt gà sạch, chất lượng cao”. Có chiến lược xúc tiến thương mại cụ thể cho từng các dòng sản phẩm định hướng theo các phân khúc thị trường cao cấp, trung cấp, thấp cấp.

- Tiến hành các đoàn thăm dò, tìm cơ hội kinh doanh với đối tác Nhật Bản, ASEAN và Trung Đông (tìm hiểu nhu cầu, yêu cầu của người tiêu dùng các thị trường này và các quy định về tiêu chuẩn nhập khẩu của quốc gia này).

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021 -2025.

b.2. Tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi

** Giai đoạn 2019-2020*

- Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chuỗi liên kết sản phẩm gà của Đồng Nai đến các thị trường

** Giai đoạn 2021-2025*

- Đối với phân khúc cao cấp: xây dựng thương hiệu “thịt gà sạch chất lượng cao Đồng Nai”, thiết lập các kênh phân phối lớn, rút ngắn, tối ưu hóa và tổ chức chuỗi giá trị khép kín từ các vùng nuôi sạch bệnh, qua hệ thống lò mổ tập trung, vận chuyển lạnh đến các siêu thị, cửa hàng tiện ích, nhà hàng, khách sạn và người tiêu dùng tại TP. Hồ Chí Minh;

- Đối với phân khúc trung cấp: thí điểm xây dựng các chuỗi gà trắng sản xuất tại Đồng Nai có truy suất, gà màu có truy suất giết mổ tại TP. Hồ Chí Minh và tiêu thụ tại hệ thống chợ đầu mối lớn

- Đối với phân khúc thấp cấp: Thí điểm xây dựng các chuỗi giá trị gà mái loại thải giữa các trang trại của Đồng Nai với các khu công nghiệp trong tỉnh Đồng Nai; giữa các trang trại của Đồng Nai với các bếp ăn tập thể lớn ở TP. Hồ Chí Minh;

** Giai đoạn 2026-2030*

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các hiệp hội chăn nuôi gà trong tỉnh, thực sự trở thành đơn vị đại diện cho doanh nghiệp và người sản xuất của tỉnh;

- Có những chính sách đặc thù về đất đai, tín dụng và đào tạo nhân sự quản lý cho các hợp tác xã chăn nuôi gà phát triển dựa trên hình thành liên kết chuỗi giá trị với doanh nghiệp theo hình thức hợp đồng nông sản.

- Đối với những nông dân không tham gia hợp tác xã hoặc không có khả năng mở rộng sản xuất, hình thành quỹ hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề cho những hộ nông dân chăn nuôi gà nhỏ lẻ.

b.3. Đảm bảo môi trường, an toàn dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm

** Giai đoạn 2019-2020*

Thí điểm các giải pháp về xử lý ô nhiễm từ nước thải và phân để thành phân bón.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung, sạch bệnh và tỉnh hỗ trợ đầu tư trọng điểm bằng kinh phí tỉnh để đảm bảo cơ sở hạ tầng đáp ứng được nuôi với quy mô lớn;

- Đầu tư trọng điểm thử nghiệm xây dựng các mô hình thí điểm an ninh sinh học theo tiêu chuẩn OIE để hình thành các vùng sạch bệnh.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025.

b.4. Ứng dụng khoa học công nghệ cao

** Giai đoạn 2019-2020*

- Nghiên cứu giảm chi phí sản xuất trong quy trình chăn nuôi gà lông màu;

- Thu hút đầu tư của doanh nghiệp để nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm chế biến sâu từ gà để nâng cao giá trị gia tăng và giảm bớt phụ phẩm.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Thúc đẩy hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) để tập trung nghiên cứu về khâu TĂCN. Nghiên cứu để dân tự chủ được các nguyên liệu TĂCN. Tập trung nghiên cứu sâu giải pháp chế biến các phụ phẩm thủy sản ở ĐBSCL (cá tra, tôm) thành bột tôm, bột cá nguyên liệu.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Hình thành một đơn vị ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao tại tỉnh về chăn nuôi gà. Đẩy mạnh ứng dụng của công nghệ block-chain trong quản lý chuỗi giá trị gà, kiểm dịch và truy suất nguồn gốc; Thời gian đầu thì tỉnh có thể hỗ trợ, nhưng về lâu dài có thể xã hội hóa để cung cấp dịch vụ cho người sản xuất Đồng Nai và các tỉnh khác;

b.6. Thông tin tuyên truyền, tập huấn, đào tạo

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tổ chức các buổi hội thảo, tuyên truyền về tác động của hội nhập đến ngành chăn nuôi gà cho doanh nghiệp và người dân để giúp họ có những chuẩn bị về tâm lý và phương án ứng phó, tập huấn về tính cấp thiết phải xây dựng vùng nuôi sạch bệnh và vùng giết mổ tập trung an toàn thực phẩm;

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tổ chức rà soát, đánh giá lại năng lực của các tác nhân trong toàn bộ chuỗi giá về việc đáp ứng các nhu cầu hiện nay và tương lai, xác định các khoảng trống về kiến thức, kỹ năng cần phải hỗ trợ. Tổ chức các khóa tập huấn theo hình thức phối hợp với doanh nghiệp, dựa trên nhu cầu doanh nghiệp, trang trại, gia trại.

- Tổ chức riêng các lớp đào tạo các kỹ năng cho cán bộ và thành viên hợp tác xã về tổ chức hợp tác xã, xây dựng chiến lược kinh doanh, phân tích thị trường, xây dựng thương hiệu.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025.

b.7. Giải pháp chính sách khác

** Giai đoạn 2019-2020:*

- Tăng cường giám sát chặt chẽ chất lượng giống gà của các đơn vị trang trại, gia trại tự sản xuất;

- Nâng cao chế tài xử phạt các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, giết mổ lậu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật thường xuyên số liệu về tình hình cung cầu và thương mại chăn nuôi gà.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tiếp tục thực hiện và điều chỉnh các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 cho phù hợp thực tế.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện và điều chỉnh các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025 cho phù hợp thực tế.

4.2.6. Định hướng mục đến năm 2030 và giải pháp đột phá cho ngành hàng trái cây

a. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

Đồng Nai trở thành một tỉnh sản xuất các loại trái cây hàng đầu cả nước với 6 mặt hàng chủ lực, gồm bưởi, sầu riêng, chôm chôm, xoài, chuối, cây có múi; trở thành một tỉnh xuất khẩu trái cây hàng đầu cả nước và là một trung tâm chế biến sâu trái cây của cả nước.

b. Giải pháp đột phá cho ngành hàng trái cây

b.1. Thị trường và phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại

- Định hướng thị trường cả sản phẩm

+ Mở rộng và giữ vững thị trường TP. Hồ Chí Minh

+ Tìm kiếm đối tác nước ngoài để giới thiệu các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao để hợp tác xuất khẩu. Tăng cường khai thác các thị trường trọng điểm ASEAN, Trung Quốc (bao gồm cả Đài Loan và Hồng Kông), Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Đông.

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tiếp tục các giải pháp xúc tiến thương mại hiện nay mà tỉnh đang triển khai

** Giai đoạn 2021-2025*

- Xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm cây ăn quả tỉnh Đồng Nai, quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

- Hàng năm tổ chức các chương trình, hội thảo lớn về dự báo cung cầu, yêu cầu thị trường, kết nối doanh nghiệp trái cây tại Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh quản bá sản phẩm trái cây Đồng Nai

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tỉnh Đồng Nai phối hợp với các đại sứ quán Việt Nam ở các thị trường lớn chủ trì và hỗ trợ một phần kinh phí tổ chức các đợt quảng bá giới thiệu sản phẩm trái cây của tỉnh

b.2. Tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi, xây dựng kênh phân phối

** Giai đoạn 2019-2020*

- Vận động nông dân tích cực tham gia các đề án, chương trình tái cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt, cam kết giữ vững và thực hiện đúng qui hoạch, định hướng phát triển cây ăn quả tại địa phương.

- Thành lập câu lạc bộ, tổ hợp tác hoặc hợp tác xã để làm dịch vụ thực hiện các công đoạn trong quá trình sản xuất (làm đất, tưới, chăm sóc, bón phân, thu hoạch, chế biến...); đồng thời đảm bảo tư cách pháp nhân để tham gia liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào hoặc tiêu thụ sản phẩm đầu ra; sinh hoạt các chuyên đề trao đổi kinh nghiệm sản xuất.

- Liên kết xây dựng cánh đồng lớn; trên các cánh đồng lớn, thành lập các hợp tác xã, tạo cơ sở pháp lý để liên kết với các doanh nghiệp bảo quản, chế biến và tiêu thụ trái cây đặc sản; đồng thời góp phần nâng cao mức độ bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và khả năng truy nguyên nguồn gốc xuất xứ sản phẩm.

- Tiếp tục kêu gọi, liên kết, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư, tiêu thụ nông sản cho nông dân; hỗ trợ, khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cơ hội đầu tư mở rộng các mặt hàng nông sản thế mạnh của tỉnh cũng

nhu phát triển nông nghiệp công nghệ cao, các sản phẩm phù hợp thị trường; đẩy nhanh tiến độ hoạt động chợ đầu mối nông sản Dầu Giây.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Hình thành lộ trình tiến tới xây dựng “trái cây sạch”, ứng dụng công nghệ để tạo ra các sản phẩm có phẩm chất tốt, chất lượng cao và đồng đều để có thể đưa vào các cửa hàng, siêu thị và xuất khẩu theo hợp đồng.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025.

b.3. Khoa học kỹ thuật trong trồng trọt

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tăng cường đầu tư hơn nữa cho công tác nghiên cứu khoa học ứng dụng để nhanh chóng cải thiện và đa dạng hoá giống phù hợp thị trường.

- Chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông dân, ưu tiên các đối tượng là thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể, nông dân tham gia cánh đồng lớn. Tiếp tục thực hiện chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn, đào tạo lao động trực tiếp sản xuất tại các nông hộ, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp.

- Xây dựng, trình diễn và chuyển giao các mô hình nông nghiệp hiệu quả, tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Ứng dụng công nghệ cao và cơ giới hóa trong sản xuất, bảo quản và chế biến quả đặc sản như: cơ giới hóa các khâu vận chuyển, chăm sóc và thu hoạch; công nghệ tưới tiết kiệm, công nghệ cho ra hoa trái vụ, sử dụng nhà mát và công nghệ CAS (hệ thống tế bào còn sống)... trong bảo quản trái cây.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025.

b.4. Thúc đẩy xây dựng các cụm ngành công nghiệp – dịch vụ chế biến sâu

** Giai đoạn 2019-2020*

- Nghiên cứu cơ sở khoa học của việc xây dựng các cụm ngành công nghiệp - dịch vụ chế biến sâu về trái cây tại Đồng Nai

** Giai đoạn 2021-2025*

- Bảo quản và xử lý sau thu hoạch là khâu cần phải nhanh chóng phát triển trong thời gian trước mắt. Nhà nước cần ưu tiên cho đầu tư sử dụng vốn vay ưu đãi để xây dựng hệ thống kho lạnh ở vùng nguyên liệu, chợ đầu mối để tạo điều kiện thuận lợi xuất khẩu quả tươi.

- Hình thành các cụm ngành công nghiệp-dịch vụ thúc đẩy chế biến nông sản, nâng cao giá trị gia tăng của cây ăn quả. Ứng dụng công nghệ bảo quản tiên tiến và chế biến sâu trái cây đa dạng

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021 -2025.

4.2.7. Định hướng mục tiêu đến năm 2030 và giải pháp đột phá cho ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ

a. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ Đồng Nai thành ngành sản xuất và xuất khẩu quan trọng của tỉnh; tiếp tục giữ vững vị trí là một trong các địa phương hàng đầu trong cả nước về chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ. Đáp ứng được nhu cầu về đồ gỗ nội và ngoại thất cho thị trường trong tỉnh và tham gia thị trường các khu vực khác trong nước trước hết là các tỉnh miền Đông và Tây Nam bộ. Tăng trưởng sản phẩm xuất khẩu sẽ tiếp tục chú trọng vào các mặt hàng chủ lực như sản phẩm gỗ nội thất, ngoại thất và lâm sản ngoài gỗ. Phát triển sản xuất vùng nguyên liệu rừng trồng sản xuất theo hướng kinh doanh sản phẩm gỗ lớn; phát triển mạnh trồng cây phân tán.

b. Giải pháp đột phá cho ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ

b.1. Thị trường và phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại

- Định hướng thị trường và sản phẩm:

+ Thị trường xuất khẩu: tiếp tục tập trung phát triển ở các thị trường truyền thống như Mỹ, EU

+ Thị trường trong nước: giữ vững thị trường TP. Hồ Chí Minh và mở rộng ra các thị trường ở các thành phố lớn như Hà Nội, Cần Thơ

** Giai đoạn 2019-2020*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp xúc tiến thương mại hiện nay mà tỉnh đang triển khai.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Hàng năm tổ chức các chương trình, hội thảo lớn về dự báo cung cầu, yêu cầu thị trường, kết nối doanh nghiệp mời các tỉnh sản xuất gỗ nguyên liệu lớn ở Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, các nhà nhập khẩu đồ gỗ quốc tế lớn, các hệ thống bán buôn, bán lẻ lớn của các nước nhập khẩu lớn từ EU, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, v.v. đến Đồng Nai để tìm cơ hội đàm phán mở rộng thị trường, xây dựng các kênh phân phối;

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tỉnh Đồng Nai phối hợp với các đại sứ quán Việt Nam ở các thị trường lớn chủ trì và hỗ trợ một phần kinh phí tổ chức các đợt quảng bá giới thiệu sản

phẩm đồ gỗ, tìm đối tác mới các nhà sản xuất và nhập khẩu gỗ quốc tế lớn, các hệ thống bán buôn, bán lẻ lớn của các nước nhập khẩu lớn từ EU, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, v.v... tham gia; tổ chức tham gia các triển lãm đồ gỗ quốc tế lớn.

- Tổ chức định kỳ và phối hợp với TP. Hồ Chí Minh tổ chức các buổi gặp gỡ doanh nhân đại diện các thương hiệu đồ gỗ, các nhà thu mua gỗ, các doanh nghiệp đồ gỗ, các tổ chức tiêu mua – phân phối theo thị trường, theo phân khúc sản phẩm, các nhà cung cấp sản phẩm – dịch vụ phụ trợ, các tổ chức marketing và nghiên cứu thị trường lớn; phối hợp với TP. Hồ Chí Minh xây dựng các sự kiện tương tự.

b.2. Tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi, xây dựng kênh phân phối

** Giai đoạn 2019-2020*

- Hỗ trợ các cơ sở và doanh nghiệp nhỏ trong công tác đào tạo huấn luyện nâng cao trình độ tay nghề công nhân để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Ứng dụng công nghệ thông minh vào sản xuất chế biến gỗ, trước hết là những doanh nghiệp lớn, hiện đại có điều kiện thuận lợi; quan tâm giải quyết nhu cầu về chỗ ở, đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động trong các doanh nghiệp chế biến gỗ và lâm sản theo chủ trương chung của tỉnh.

- Cùng cố và phát huy vai trò của Hiệp hội gỗ và thủ công mỹ nghệ tỉnh Đồng Nai để thực hiện tốt vai trò kết nối các doanh nghiệp, tạo sự thống nhất và chia sẻ giữa các doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp chế biến gỗ Đồng Nai; đẩy mạnh thực hiện liên kết chuỗi giữa những người trồng rừng, trồng cây lấy gỗ và doanh nghiệp.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025.

b.3. Xây dựng cụm ngành công nghiệp chế biến gỗ

** Giai đoạn 2019-2020*

- Rà soát đánh giá thực trạng các doanh nghiệp, cơ sở chế biến gỗ để chấn chỉnh, sắp xếp theo quy hoạch vào các khu công nghiệp; xử lý các trường hợp xây dựng các cơ sở chế biến gỗ không phép, vi phạm quy hoạch đô thị và xây dựng nông thôn mới, các cơ sở nằm trong và ven rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; vi phạm các quy định về chế biến gỗ. Xây dựng đề án phát triển ngành chế biến gỗ đến năm 2025, định hướng 2030, nhanh chóng đưa cụm công nghiệp chế biến gỗ tại huyện Vĩnh Cửu đi vào hoạt động.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tích cực cải tiến đổi mới công nghệ, thiết bị, thiết kế mẫu mã sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh trên thị trường. Chú trọng hỗ trợ các doanh nghiệp huy động nguồn lực để thúc đẩy phát triển các mô hình sản xuất công nghiệp chế biến gỗ; cơ cấu lại ngành công nghiệp chế biến gỗ theo hướng hiện đại, phát triển bền vững. Nghiên cứu để từng bước thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản phẩm xuất khẩu theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất sản phẩm ngoài trời sang sản xuất sản phẩm gỗ nội thất kết hợp các vật liệu khác tồn ít nguyên liệu, đạt giá trị cao. Từ bước hạn chế đi đến chấm dứt chế biến dăm mảnh từ gỗ rừng trồng.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tạo cơ chế, thu hút đầu tư, hỗ trợ cho việc xây dựng các trung tâm giao dịch gỗ làm đầu mối giao dịch, cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ ổn định, hợp pháp, sơ chế gỗ theo yêu cầu và lưu trữ hồ sơ nguồn gốc gỗ.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ cho ngành chế biến gỗ như sản xuất vật liệu mới, ván nhân tạo, vật liệu phụ trợ đáp ứng yêu cầu không gây ảnh hưởng đến môi trường.

b.4. Khoa học kỹ thuật trong trồng trọt

** Giai đoạn 2019-2020*

- Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh, tăng năng suất theo hướng kinh doanh gỗ lớn bằng các loại giống tốt và kỹ thuật tiên tiến, gắn trồng rừng với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tiếp tục đẩy mạnh kỹ thuật trồng và giống cây, nâng năng suất rừng trồng sản xuất đạt bình quân 30 m³/ha/năm vào năm 2025.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện tốt đề án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng bền vững, phấn đấu đến năm 2025 toàn bộ rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh được cấp chứng chỉ FSC.

**Giai đoạn 2026-2030:*

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021 -2025.

b.5. Giải pháp chính sách khác

** Giai đoạn 2019-2020*

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền để các cơ quan nhà nước và mọi người dân đều nhận thức được vai trò quan trọng của ngành chế biến gỗ đối với sự phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường của tỉnh, từ đó tạo động lực cho ngành chế biến gỗ phát triển.

- Cải cách thủ tục hành chính: Tiếp tục rà soát, tinh giản, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan xuất nhập, khẩu trên cơ sở các quy định của nhà nước. Thường xuyên theo dõi, lắng nghe nắm bắt những khó khăn

wướng mắc của các doanh nghiệp và cơ sở chế biến, các tổ chức hộ dân trồng rừng để giải quyết, tháo gỡ kịp thời.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách liên quan đến phát triển chế biến gỗ Nhà nước đã ban hành đồng thời rà soát, kiến nghị cơ quan thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp.

** Giai đoạn 2021-2025*

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 cho phù hợp để thực hiện.

** Giai đoạn 2026-2030*

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các giải pháp của giai đoạn 2019-2020 và giai đoạn 2021-2025 cho phù hợp để thực hiện.

4.3. Khái toán vốn thực hiện đề án

Khái toán kinh phí thực hiện đề án giai đoạn 2019-2030, dự kiến khoảng 602.200 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách: 401.300 triệu đồng

+ Vốn đối ứng của doanh nghiệp, người dân: 200.900 triệu đồng.

Quá trình tổ chức thực hiện đề án, căn cứ vào điều kiện nguồn lực của ngân sách để cân đối và bố trí kinh phí theo từng năm, lồng ghép với nguồn vốn thực hiện các chương trình dự án khác có liên quan.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

4.4. Danh mục các đề án, dự án ưu tiên

Để thực hiện các giải pháp nêu trên, tổ chức xây dựng 7 đề án và 5 dự án và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

4.4.1 Các đề án

1. Đề án thành lập một trung tâm tổng thể về xúc tiến đầu tư, thương mại trực thuộc UBND tỉnh để hỗ trợ doanh nghiệp.

2. Đề án Xây dựng quỹ đổi mới sáng tạo ứng dụng khoa học công nghệ cao trong nông nghiệp của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

3. Đề án Quy hoạch, xây dựng và thu hút doanh nghiệp đầu tư cụm ngành công nghiệp – dịch vụ - thương mại thực phẩm chế biến sâu tại Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

4. Đề án thúc đẩy xuất khẩu trái cây của Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

5. Đề án Tái cơ cấu ngành hàng điều và tiêu Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

6. Đề án điều chỉnh Quy hoạch và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào cụm ngành giết mổ - chế biến sản phẩm chăn nuôi sạch phục vụ thị trường TP. Hồ Chí Minh 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

7. Đề án Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại cà phê Đồng Nai trên thị trường TP. Hồ Chí Minh và Châu Á giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

4.4.2. Các dự án

1. Dự án Xây dựng và phát triển thí điểm một số chuỗi giá trị có truy xuất nguồn gốc bằng block-chain và kênh phân phối thịt heo và gà mát tại TP. Hồ Chí Minh;

2. Dự án Xây dựng và phát triển thí điểm một số chuỗi giá trị có truy xuất nguồn gốc và kênh phân phối thịt heo và gà tại các khu công nghiệp Đồng Nai.

3. Dự án Xây dựng và phát triển thí điểm một số chuỗi giá trị trái cây xuất khẩu có truy xuất nguồn gốc.

4. Dự án Xây dựng và phát triển thí điểm một số chuỗi giá trị dựa trên liên kết HTX- doanh nghiệp có truy xuất nguồn gốc và kênh phân phối điều nhân và điều chế biến sâu tại trên thị trường quốc tế (EU, Mỹ, Úc, Nhật Bản, Trung Quốc và ASEAN);

5. Dự án xây dựng và phát triển thí điểm một số chuỗi giá trị có truy xuất nguồn gốc và kênh phân phối cà phê chế biến sâu tại TP. Hồ Chí Minh và thị trường Châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN).

4.5. Phân công tổ chức thực hiện

4.5.1. Đối với UBND tỉnh

- Thành lập Ban chỉ đạo triển khai các hướng đột phá thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế” (sau đây gọi tắt là Đề án Hội nhập). Thành phần của Ban chỉ đạo bao gồm lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các Sở, ban, ngành liên quan, lãnh đạo các huyện/thành phố trọng điểm và các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài tỉnh. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo gồm: (i) Hoàn thiện kế hoạch chi tiết và chỉ đạo triển khai các hướng đột phá; (ii) giải quyết các khó khăn, vướng mắc về chính sách và thể chế; (iii) giúp tỉnh đề xuất với Chính phủ xin chính sách, cơ chế đặc thù không thuộc quyền hạn của tỉnh; (iv) theo dõi, giám sát quá trình triển khai thực hiện đảm bảo công bằng xã hội, lợi ích chính đáng của các bên tham gia.

- Thành lập các Nhóm công tác do lãnh đạo các Sở liên quan: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương, Sở Khoa học công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Nội vụ chủ trì và các thành viên tham gia nhóm gồm đại diện các Sở ngành liên quan, các huyện trọng điểm, đại diện doanh nghiệp, đại diện nông dân và các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài tỉnh. Nhiệm vụ của nhóm công tác là triển khai trên thực tế từng hướng đột phá.

- Thành lập một trung tâm tổng thể về xúc tiến đầu tư, thương mại trực thuộc UBND tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

4.5.2. Đối với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Đề án hội nhập, nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách có liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố rà soát, bổ sung và lập mới các quy hoạch nông nghiệp, nông thôn; xây dựng các đề án, dự án, kế hoạch; đề án thúc đẩy xuất khẩu trái cây của Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; đề án Tái cơ cấu ngành hàng điều và tiêu Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; đề án điều chỉnh Quy hoạch và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào cụm ngành giết mổ - chế biến sản phẩm chăn nuôi sạch phục vụ thị trường TP. Hồ Chí Minh 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Chủ trì xây dựng và triển khai thí điểm các chuỗi giá trị và kênh phân phối các nông sản cà phê, điều, tiêu, heo, gà, trái cây ở thị trường TP. Hồ Chí Minh và thị trường quốc tế;

- Tăng cường quản lý giống, phân bón, thuốc BVTV đặc biệt đối với sản phẩm tiêu;

- Phối hợp với Sở Thông tin & Truyền thông, Đài PTTH, Báo Đồng Nai, hệ thống phát thanh, truyền thanh của huyện, xã tích cực tuyên truyền các nội dung Đề án hội nhập; và

- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo UBND tỉnh và các Sở ngành liên quan, đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện Đề án hoặc sửa đổi bổ sung Đề án hội nhập nếu cần thiết.

4.5.3. Đối với Sở Công Thương

- Chủ trì, xây dựng các đề án bao gồm: Đề án Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại cà phê Đồng Nai trên thị trường TP. Hồ Chí Minh và Châu Á giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Đề án Quy hoạch, xây dựng và thu hút doanh nghiệp đầu tư cụm ngành công nghiệp - dịch vụ - thương mại thực phẩm chế biến sâu tại Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì triển khai các chuỗi sự kiện về hội thảo dự báo thị trường trong nước và quốc tế (outlook conferences), đối thoại doanh nghiệp – địa phương;

- Chủ trì các hoạt động xúc tiến thương mại, chủ động tìm kiếm đối tác xuất khẩu và đối tác thương mại ở TP. Hồ Chí Minh; Tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản; tổ chức các hội nghị xúc tiến thương mại và liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản, thực phẩm.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu đề xuất các chính sách thương mại, tạo thuận lợi thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản sâu (cà phê, thịt heo, thịt gà, trái cây, đồ gỗ), tiêu thụ, xuất khẩu nông sản;

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu cho các nông sản, thực phẩm chất lượng cao và đặc trưng của tỉnh.

4.5.4. Đối với Sở Khoa học và công nghệ

- Chủ trì xây dựng Đề án Xây dựng quỹ đổi mới sáng tạo về giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ cao trong nông nghiệp của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan rà soát lại các đề tài nghiên cứu khoa học, tập trung đầu tư cho nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng các tiến bộ khoa học hỗ trợ ngành nông nghiệp thực hiện đề án;

- Chủ trì hướng dẫn xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho nông sản, thực phẩm phù hợp VietGAP; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng các thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho nông sản, thực phẩm chất lượng cao và đặc trưng của tỉnh;

- Tham mưu UBND tỉnh rà soát, bổ sung một số chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng KHCN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4.5.5. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Ưu tiên, lồng ghép các nội dung của Đề án vào chương trình đầu tư trung hạn của tỉnh giai đoạn 2020-2025, bố trí ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp để thực hiện các đề án, dự án và giải pháp được nêu ra trong Đề án;

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành địa phương nghiên cứu đề nghị bổ sung cơ chế chính sách thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để phục vụ việc triển khai Đề án. Hướng dẫn các địa phương doanh nghiệp lập, thẩm định các dự án trình UBND tỉnh phê duyệt, tham mưu xây dựng các cơ chế chính sách triển khai các giải pháp trong Đề án.

4.5.6. Đối với Sở Tài chính

- Rà soát các cơ chế chính sách theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp, hỗ trợ thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở ngành liên quan tổng hợp nhu cầu vốn, cân đối đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí cho việc triển khai thực hiện Đề án và các chương trình, dự án liên quan.

4.5.7. Đối với Sở Tài nguyên và môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương xây dựng quy hoạch sử dụng đất phục vụ Đề án trong giai đoạn 2020-2025;

- Nghiên cứu nâng cao chế tài xử phạt các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, giết mổ lậu.

4.5.8. Đối với Sở Nội vụ

- Chủ trì xây dựng Đề án kiện toàn lại bộ máy và tổ chức của các hiệp hội doanh nghiệp nông sản quan trọng: Cà phê, điều, tiêu, chăn nuôi, trái cây.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương nghiên cứu xây dựng Đề án xây dựng đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025.

4.5.9. Đối với Sở Lao động thương binh và xã hội

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đào tạo và cấp chứng chỉ nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp phục vụ cho các cụm ngành chế biến nông sản trên địa bàn.

4.5.10. Đối với Sở Y tế

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT trong quá trình triển khai thực hiện Luật An toàn vệ sinh thực phẩm và vệ sinh môi trường nông thôn.

4.5.11. Đối với Cục quản lý thị trường Đồng Nai

- Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu, hàng giả, hàng cấm, hàng kém chất lượng và gian lận trong thương mại hàng nông sản;

- Tăng cường phối hợp các cơ quan chức năng địa phương thực hiện kiểm tra, kiểm soát, tham gia các chốt kiểm dịch tại địa phương nhằm phòng, chống lây lan dịch bệnh trong sản xuất kinh doanh nông sản

4.5.12. Đối với Ngân hàng nhà nước chi nhánh Đồng Nai

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên tập trung vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tích cực triển khai các chương trình tín dụng đối với các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách tín dụng hỗ trợ ngành nông nghiệp.

4.5.13. Đối với Cục thống kê tỉnh

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương, xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật thường xuyên số liệu về tình hình sản xuất của tỉnh, tiêu thụ của tỉnh và thương mại xuất khẩu của các nông sản trong tỉnh.

4.5.14. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể

- Liên minh HTX tỉnh: Phối hợp các địa phương tổ chức hình thành các tổ chức kinh tế hợp tác và hợp tác xã; củng cố nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp để tham gia thực hiện Đề án đạt kết quả cao. Hỗ trợ, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX;

- Hội Nông dân Tỉnh: Tuyên truyền, phổ biến các nội dung Đề án; phối hợp triển khai các chính sách hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; phối hợp với các địa phương vận động thành lập các hình thức kinh tế tập thể, xây dựng và củng cố các hợp tác xã;

- Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên CSHCM tỉnh: Tích cực tuyên truyền, vận động các hội viên, đoàn viên gương mẫu, nhiệt tình tham gia các nội dung Đề án.

4.5.15. Đối với UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ nội dung Đề án của tỉnh, lập và triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch chuyển đổi (Về cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và chuyển đổi cây trồng, vật nuôi) phù hợp với điều kiện của địa phương;

- Triển khai, rà soát điều chỉnh quy hoạch, cơ cấu sản xuất theo hướng tập trung, quy mô lớn, lựa chọn các đối tượng sản phẩm chất lượng cao, có giá trị kinh tế cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường, phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành, nghiên cứu, phát triển các mô hình sản xuất có hiệu quả;

- Chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát, bổ sung các quy hoạch cấp xã; tăng cường quản lý và thực hiện đúng các quy hoạch đã được phê duyệt.

4.5.16. Đối với các đơn vị doanh nghiệp

- Các công ty, doanh nghiệp sản xuất giống, Trung tâm khảo nghiệm và các Trung tâm giống (cây trồng, vật nuôi): Tích cực nhập nội, khảo nghiệm, đánh giá, tuyển chọn các giống cây trồng, vật nuôi mới, tập trung vào các sản phẩm điều, tiêu, heo, gà lông màu, gà đặc sản.

- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong tỉnh tích cực tham gia liên doanh, liên kết sản xuất, mở rộng thị trường, hỗ trợ tiêu thụ nông sản, thực phẩm; đầu tư xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm và xây dựng thương hiệu cho các nông sản, thực phẩm chất lượng cao.


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Y tế, Cục Quản lý thị trường, Cục Thống kê, Ngân hàng nhà nước, Liên minh Hợp tác xã, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
 - Cổng Thông tin điện tử;
 - Lưu: VT, KTNS, TH, KTN.
- (Khoa.Ktv/638.Qddeannangcaonangluc)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



* **Võ Văn Chánh**



PHỤ LỤC
 Kinh phí thực hiện Đề án theo các nhóm giải pháp và các giai đoạn 2019 – 2020, 2021-2025, 2026 – 2030
 hành kèm theo Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai

TT	Tên dự án	Tổng cộng Đề án		2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030			
		Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)
1	Nghiên cứu, xúc tiến thương mại, chủ động tìm đối tác để xuất khẩu phân phối	182.000	105.000	77.000	26.000	18.000	8.000	86.500	48.000	38.500	69.500	39.000	30.500
1.1	Xây dựng chiến lược quảng bá sản phẩm tại thị trường tiêu thụ trong nước (tập trung vào thị trường TP. Hồ Chí Minh) và xuất khẩu	24.000	12.000	12.000	4.000	2.000	2.000	10.000	5.000	5.000	10.000	5.000	5.000
1.2	Đa dạng hóa cách thức xúc tiến thương mại thông qua hội thảo, hội chợ, tìm kiếm cơ hội kinh doanh	18.000	12.000	6.000	3.000	2.000	1.000	7.500	5.000	2.500	7.500	5.000	2.500
1.3	Xây dựng phương án liên kết thu hút đầu tư xây dựng chuỗi liên kết của doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Nguyên; từ các	24.000	12.000	12.000	4.000	2.000	2.000	10.000	5.000	5.000	10.000	5.000	5.000
1.4		4.000	4.000	0	0			2.000	2.000		2.000	2.000	

TT	Danh mục	Tổng cộng Đề án			2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030		
		Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNg, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNg, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNg, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNg, Hộ)
	doanh nghiệp Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và EU												
1.5	Hoàn thiện phương án Phát triển chợ đầu mối nông sản	1.000	1.000	0	0	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0
1.6	Phát triển thương mại điện tử	16.000	6.000	10.000	2.000	2.000	2.000	7.000	2.000	5.000	7.000	2.000	5.000
1.7	Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh	20.000	10.000	10.000	0	12.000	6.000	12.000	6.000	6.000	8.000	4.000	4.000
1.8	Xây dựng các Dự án phát triển thí điểm một số chuỗi giá trị có liên kết và truy xuất nguồn gốc, kênh phân phối cho nông sản (cà phê, điều, tiêu, heo, gà (3 chuỗi), trái cây (2 chuỗi))	54.000	27.000	27.000	6.000	3.000	3.000	30.000	15.000	15.000	18.000	9.000	9.000
1.9	Xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật thường xuyên số liệu về tình hình cung cầu và thương mại nông sản chủ lực	21.000	21.000	0	7.000	7.000	0	7.000	7.000	0	7.000	7.000	0

TT	Tên dự án	Tổng cộng Dự án			2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030		
		Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN _g , Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN _g , Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN _g , Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN _g , Hộ)
2	Nhóm Giải pháp 2: Giải pháp quy hoạch	40.000	40.000	0	15.000	15.000	0	19.000	19.000	0	6.000	6.000	0
2.1	Rà soát, bổ sung các quy hoạch nông nghiệp, nông thôn	15.000	15.000	0	5.000	5.000	0	5.000	5.000	0	5.000	5.000	0
2.2	Xây dựng Đề án Điều chỉnh kết cấu hạ tầng thủy lợi, nước sạch nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp; Đề án trồng rừng thâm canh; Đề án quản lý rừng bền vững.	6.000	6.000	0	4.000	4.000	0	2.000	2.000	0	0	0	0
2.3	Xây dựng Đề án Điều chỉnh các quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng cụm ngành: cụm ngành giết mổ - chế biến thịt heo và gà mát chất lượng cao, chế biến trái cây tại Đồng Nai	3.000	3.000	0	2.000	2.000	0	1.000	1.000	0	0	0	0
2.4	Xây dựng các Đề án phát triển và chế biến sâu các ngành hàng của các sản phẩm chủ lực trong nông nghiệp	9.000	9.000	0	2.000	2.000	0	6.000	6.000	0	1.000	1.000	0

TT	Danh mục	Tổng cộng Đề án			2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030		
		Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)
2.5	Xây dựng đề án tái cơ cấu ngành (điều, tiêu)	2.000	2.000	0	2.000	2.000		0			0		
2.6	Xây dựng đề án Quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung, sạch bệnh và tinh hồ trợ đầu tư trọng điểm bằng kính phí tinh để đảm bảo cơ sở hạ tầng đáp ứng được nuôi với quy mô lớn (heo, gà);	4.000	4.000	0	0	0		4.000	4.000		0		
2.7	Rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giết mổ, chế biến gỗ	1.000	1.000	0	0			1.000	1.000		0		
3	Nhóm Giải pháp 3: Giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư thu hút doanh nghiệp	51.000	40.000	11.000	4.000	3.000		29.500	24.500		17.500	5.000	
3.1	Tổ chức các diễn đàn đầu tư vào nông nghiệp	33.000	22.000	11.000	3.000	2.000		15.000	10.000		15.000	5.000	
3.2	Xây dựng trang thông tin "Cơ hội đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp"	6.000	6.000	0	1.000	1.000		2.500	2.500		2.500	2.500	

TT	Danh mục	Tổng cộng Đề án		2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030		
		Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN, Hộ)		
3.3	Xây dựng Đề án Phát triển cụm ngành công nghiệp – dịch vụ hậu cần chế biến sâu cà phê, heo, trái cây	6.000	6.000	0	0	0	6.000	6.000	0	0		
3.4	Xây dựng Đề án triển khai các trung tâm giết mổ tập trung tại các huyện có vùng sản xuất lớn như Thống Nhất, Trảng Bom, Xuân Lộc với các công nghệ giết mổ quy mô lớn hiện đại.	2.000	2.000	0	0	0	2.000	2.000	0	0		
3.5	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống kho mát, hệ thống vận tải lạnh để hình thành chuỗi thịt heo mát và vận chuyển vào TP. Hồ Chí Minh, bảo quản trái cây.	4.000	4.000	0	0	0	4.000	4.000	0	0		
4	Nhóm Giải pháp 4: Giải pháp liên kết chuỗi	128.200	99.800	28.400	20.800	17.600	54.200	39.100	15.100	53.200	43.100	10.100
4.1	Tổ chức các khóa đào tạo cho các hộ nông dân về xây dựng và quản lý tổ hợp tác, HTX	16.400	12.000	4.400	2.400	2.000	7.000	5.000	2.000	7.000	5.000	2.000

TT	Danh mục	Tổng cộng Đề án				2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030		
		Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	
4.2	Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông và Đào tạo nghề	18.000	18.000	0	3.000	3.000		7.500	7.500		7.500	7.500		
4.3	Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tiếp cận thị trường... cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo tổ hợp tác, HTX	8.200	6.000	2.200	1.200	1.000	200	3.500	2.500	1.000	3.500	2.500	1.000	
4.4	Hỗ trợ kết nối với doanh nghiệp	9.600	4.800	4.800	1.200	600	600	4.200	2.100	2.100	4.200	2.100	2.100	
4.5	Hỗ trợ xây dựng liên kết vùng (cà phê, điều, tiêu, gỗ, trái cây)	12.000	6.000	6.000	2.000	1.000	1.000	10.000	5.000	5.000	0			
4.6	Hỗ trợ thành lập, tổ chức hoạt động cho các HTX, tổ nhóm nông dân sản xuất theo hướng liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi sản xuất khép kín (cà phê, điều, tiêu, trái cây)	22.000	11.000	11.000	2.000	1.000	1.000	10.000	5.000	5.000	10.000	5.000	5.000	
4.7	Rà soát, đánh giá lại năng lực của các tác nhân trong toàn bộ chuỗi giá trị của nông sản chủ lực; Tổ chức các khóa tập huấn theo hình thức phối hợp với	42.000	42.000	0	9.000	9.000		12.000	12.000		21.000	21.000		

TT	Tên doanh nghiệp	Tổng cộng Đề án		2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030		
		Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DN, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DN, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DN, Hộ)		
Nhóm Giải pháp 5: Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ Xây dựng quy đổi mới sáng tạo trong nông ng nghiệp												
5.1	Rà soát nghiên cứu các giống mới phù hợp với từng vùng sinh thái (điều, tiêu, trái cây)	42.000	22.000	20.000	2.000	2.000	20.000	10.000	10.000	20.000	10.000	10.000
5.2	Nghiên cứu, thử nghiệm và hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ra các loại phân bón, thuốc BVTV chuyên dụng cho cây (điều, tiêu) khuyến cáo người dân thực hiện	6.000	6.000	0	1.000	1.000	2.000	2.000		3.000	3.000	
5.3	Nghiên cứu sử dụng nguyên liệu trong nước để chi động sản xuất thức ăn chăn nuôi	8.000	4.000	4.000	0	0	8.000	4.000	4.000	0		
5.4		6.000	4.000	2.000	0		6.000	4.000	2.000	0		

TT	Danh mục	Tổng cộng Đề án			2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030		
		Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DNG, Hộ)
5.5	Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và truy suất nguồn gốc dựa trên nền tảng số hóa, ứng dụng của công nghệ block-chain trong quản lý chuỗi giá trị	6.000	3.000	3.000	0			4.000	2.000	2.000	2.000	1.000	1.000
5.6	Nghiên cứu giảm chi phí sản xuất trong quy trình chăn nuôi gà lông màu	5.000	3.000	2.000	1.000	1.000		4.000	2.000	2.000	0		
5.7	Ứng dụng công nghệ thông minh vào sản xuất chế biến (trái cây, chế biến gỗ) trước hết là những doanh nghiệp lớn, hiện đại có điều kiện thuận lợi	16.000	8.000	8.000	0	0	0	8.000	4.000	4.000	8.000	4.000	4.000
6	Nhóm Giải pháp 6: Giải pháp thể chế, tổ chức hành chính	64.000	43.500	20.500	11.000	7.500	3.500	27.000	18.500	8.500	26.000	17.500	8.500
6.1	Xây dựng Đề án thành lập Thành lập đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp nông sản (bao gồm cả hỗ trợ hoạt động)	22.000	12.000	10.000	2.000	2.000		10.000	5.000	5.000	10.000	5.000	5.000

TT	Dan h mục	Tổng cộng Đề án			2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030		
		Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN _g , Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN _g , Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN _g , Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đổi ứng (DN _g , Hộ)
6.2	Xây dựng và hỗ trợ hoạt động các ban điều phối ngành hàng nông sản chủ lực của Đồng Nai	7.000	7.000	0	0		4.000	4.000		3.000	3.000		
6.3	Hình thành quỹ hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề cho những hộ nông dân chăn nuôi heo, gà nhỏ lẻ	21.000	10.500	10.500	7.000	3.500	3.500	7.000	3.500	3.500	7.000	3.500	3.500
6.4	Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục người dân chấp hành các qui định pháp luật của Nhà nước, tác động của hội nhập	9.000	9.000	0	1.000	1.000		4.000	4.000		4.000	4.000	
6.5		5.000	5.000	0	1.000	1.000		2.000	2.000		2.000	2.000	
7	Nhóm giải pháp 7. Đảm bảo môi trường, an toàn dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm	48.000	23.000	25.000	4.000	4.000	0	26.000	13.000	13.000	18.000	6.000	12.000

TT	Danh mục	Tổng cộng Đề án			2019 - 2020			2021 - 2025			2026 - 2030		
		Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DN, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DN, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DN, Hộ)	Tổng	Ngân sách	Đối ứng (DN, Hộ)
7.1	Xây dựng Đề án Xây dựng đơn vị ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao; Đầu tư trọng điểm thử nghiệm xây dựng các mô hình thí điểm an ninh sinh học theo tiêu chuẩn OIE để hình thành các vùng sạch bệnh (heo, gà)	38.000	14.000	24.000	2.000	2.000	2.000	18.000	6.000	12.000	18.000	6.000	12.000
7.2	Thí điểm các giải pháp về xử lý ô nhiễm từ nước thải và phân để thành phân bón	6.000	6.000	0	2.000	2.000	0	4.000	4.000	0	0	0	0
7.3	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất chuẩn sạch đáp ứng tiêu chuẩn EU (tiểu)	4.000	3.000	1.000				4.000	3.000	1.000			
	TỔNG CỘNG	602.200	401.300	200.900	84.800	69.100	15.700	294.200	190.100	104.100	223.200	142.100	81.100

